BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM

Lớp : Tiếng Anh 2 - K13

Môn thi: **Ngữ pháp 2** Lần thi: 2 Giám thị 1: Quế Ký tên:

Học kỳ: 2 Năm học: 2011 - 2012 Ngày thi: 26/12 Giám thị 2: Phương Ký tên:

Cán bộ giảng dạy: _____ Phòng thi: A1.11 Giám thị 3: Hoa Ký tên:

Tổng số bài: 45 Số tờ: 45 Giám thị 4: _____ Ký tên:

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
1	1110110036	Huỳnh Thị	Nhung	20/05/1993					
2	1110110039	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	12/09/1992					
3	1110110040	Huỳnh Thị Mỹ	Phượng	14/03/1993					
4	1110110041	Đỗ Mạnh	Quân	03/12/1993			5.5		Năm rưỡi
5	1110110044	Huỳnh Thị Tuyết	Sương	16/08/1993			4.5		Bốn rưỡi
6	1110110045	Trần Văn	Thảo	24/09/1993			7.0		Bảy
7	1110110046	Nguyễn Thị Liên	Thảo	01/04/1992			3.0		Ba
8	1110110048	Nguyễn Thanh	Thùy	07/01/1993			5.5		Năm rưỡi
9	1110110049	Nguyễn Thị Phương	Thúy	10/11/1991					
10	1110110050	Nguyễn Thị Oanh	Thủy	14/12/1993			4.5		Bốn rưỡi
11	1110110051	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	26/12/1992			4.5		Bốn rưỡi
12	1110110052	Lê Thủy	Tiên	11/01/1993					
13	1110110053	Vũ Thị Kiều	Tiên	02/01/1993			6.0		Sáu
14	1110110056	Lê Thị Thùy	Trang	05/10/1993					
15	1110110057	Phạm Quang	Trung	30/09/1993			5.5		Năm rưỡi
16	1110110059	Phan Thị Khả	Tú	10/10/1993					
17	1110110060	Lăng Thị	Tuyết	19/05/1991			4.0		Bốn
18	1110110061	Vũ Hà	Ty	10/05/1993			1.5		Một rưỡi
19	1110110064	Nguyễn Thị Thúy	Vy	18/02/1993			6.0		Sáu
20	1110110066	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	11/11/1993			4.5		Bốn rưỡi
21	1110110067	Nguyễn Thị Ngọc	Xuân	11/01/1993			2.5		Hai rưỡi
22	1110110069	Nguyễn Kim Hoàng	Yến	20/10/1993			5.0		Năm